

họ là dùng Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát làm lá chắn ngăn chặn tấn công quân sự của Quân Giải phóng, nhất là tấn công lớn vào miền Nam Việt Nam; vu cáo Quân Giải phóng. Khi thất thế thì dùng Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát làm trung gian thương lượng cứu chính quyền Sài Gòn khỏi sụp đổ.

Không thể thực hiện giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước bằng biện pháp hòa bình, thương thuyết, ngày 8-10-1974, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố chấm dứt thương thuyết với chính quyền Sài Gòn, phát động toàn dân đứng lên làm cuộc Tổng khởi nghĩa, trừng trị bọn Mỹ – Thiệu hiếu chiến, giành quyền làm chủ về tay nhân dân.

2. Các nội dung của Hiệp định được thực hiện

2.1. Trao trả tù binh

2.1.1. Về định danh tù binh của chính quyền Sài Gòn

Ngày 07-3-1964, Bộ Tư lệnh quân đội chính quyền Sài Gòn ban hành Huấn lệnh số 00609/TTL/2 về việc định danh các tù binh bị bắt giữ. Theo đó:

“Danh từ tù binh được dùng trong huấn lệnh này không bị ràng buộc bởi định nghĩa trong Hiệp định Genève vì:

- Việt cộng không phải là ngoại bang địch.*
- Không có sự tuyên chiến thực sự.*

Như vậy việc sử dụng danh từ tù binh trong huấn lệnh này thiên về thói quen hơn về thực chất.

Định nghĩa tù binh: bị coi là tù binh các phân tử sau đây:

– Bị bắt bởi các lực lượng công quyền (Quân đội, Cảnh sát, Bảo an, Dân vệ ...) hay các lực lượng nhân dân trong bất kỳ một cuộc giao tranh nào với lực lượng đó hoặc trong một cuộc tảo thanh. Kẻ bị bắt có thể thuộc lực lượng võ trang Việt cộng hoặc đi theo lực lượng đó để giúp

súc, hoặc là cán binh Việt cộng đã xâm nhập vào nội địa VNCH dưới bất kỳ hình thức nào và bằng phương tiện nào sau thời hạn tập kết của Hiệp định Genève 1954.

– Các cán bộ nội tuyến vào các cơ sở của Quân đội hoặc có tính chất Quốc phòng để phá hoại binh vật (hoặc gián điệp).

Vẫn bị coi là tù binh những kẻ đầu hàng bỏ cuộc trong phạm vi một cuộc hành quân hay giao tranh với lực lượng quốc gia¹.

Năm 1965, chính quyền Sài Gòn ban hành huấn thị quy định cụ thể danh từ “tù phiến Cộng”:

“Được xem là tù phiến cộng những Việt cộng và đồng bọn bị bắt tại trận chiến đang mang vũ khí chống lại quân lực VNCH.

Do đó, các hạng người sau đây nhất thiết không được coi là tù phiến cộng theo định nghĩa trên:

– Gián điệp.

– Các cán bộ nội tuyến vào những công sở của VNCH hoặc những cơ sở có tính cách quân sự của VNCH để phá hoại, binh vận.

– Những phần tử quân đội chính quy, dân quân hoặc đoàn quân tình nguyện của phe địch nếu họ chủ tâm che đậy tình trạng của họ, để sang hoạt động tại hậu tuyến của VNCH với mục đích do thám, ám sát, khủng bố, phá hoại.

– Những phần tử du kích sử dụng vũ khí và có hành vi thù nghịch không tôn trọng luật lệ và tục lệ chiến tranh².

1. Huấn lệnh số 00609/TTL/2 Bộ Tư lệnh quân đội Việt Nam Cộng hòa ngày 7-3-1964 về vấn đề tù binh, tài liệu và vật dụng tịch thu được trên chiến trường, Hồ sơ 17840, PTTg, TTLTII.

2. Huấn thị số 12596/QP/HC/HCPC/2 ngày 10-12-1965 về đường lối đối xử với tù binh phiến cộng, Hồ sơ 17840, PTTg, TTLTII.

Từ việc phân loại tù binh, từ cuối năm 1966, ở miền Nam Việt Nam, chính quyền Sài Gòn thiết lập hai hệ thống nhà tù khác nhau. Hệ thống trại giam “tù binh Cộng sản” dành cho các đối tượng là cán bộ, chiến sĩ cách mạng trực tiếp tham gia chiến đấu trên chiến trường bị bắt, còn được gọi là “tù binh Cộng sản”. Tất cả cán bộ, chiến sĩ và quần chúng cách mạng còn lại bị chính quyền Sài Gòn bắt, được giam giữ riêng trong các nhà tù với tên gọi “Trung tâm Cải huấn”, được thiết lập mỗi tỉnh theo địa giới hành chính của chính quyền Sài Gòn trên toàn miền Nam Việt Nam.

Tuy nhiên, đến năm 1967, trong thực tế các trại giam của chính quyền Sài Gòn không tồn tại danh từ “tù binh Cộng sản”. Vì vậy, ngày 2-11-1967, Tham mưu Trưởng kiêm Tổng Ủy viên Quốc phòng chính quyền Sài Gòn có công văn gửi Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương đề nghị cải danh từ “tù phiến Cộng” thành “tù binh Cộng sản”. Nội dung cụ thể:

“Gần đây, một số tù phiến Cộng tại các trại giam đã có các hành vi phạm pháp gây trở ngại cho việc điều hành của trại. Trên phương diện pháp lý, Bộ Quân luật đã ấn định các Tòa án Quân sự có thẩm quyền đối với các tù binh phạm pháp trong thời gian bị giam giữ. Ngoài ra, Quy ước Genève cũng ấn định các thủ tục tư pháp với các tù binh phạm pháp. Vì VNCH đã gia nhập và đã ban hành các quy ước trên, chính phủ cần tôn trọng những quy ước đó. Tuy nhiên chính phủ chưa ban hành văn kiện áp dụng các quy ước liên hệ và tù phiến Cộng chưa được cải danh thành tù binh, do đó việc xét xử các tù phiến Cộng sẽ gặp trở ngại. Để việc đối xử với tù phiến Cộng được thuận tiện, nhất là việc xét xử các tù phiến Cộng phạm pháp, Bộ Quốc phòng trân trọng thỉnh cầu chính phủ sớm

*ban hành văn kiện áp dụng quy ước Genève như thiêm Bộ đã trình trước đây, đồng thời cho cải danh tù phiến Cộng thành tù binh*¹.

Năm 1970, chính quyền Sài Gòn một lần nữa đưa ra quy định, định danh lại danh tù “tù binh Cộng sản”. Theo Huấn thị 170-1 của Bộ Quốc phòng, được coi là “tù binh Cộng sản”:

“Là những phần tử có vũ trang hay không, thuộc thành phần các đơn vị Việt cộng miền Bắc, chủ lực quân, địa phương quân, lực lượng không chính quy (du kích quân, tự vệ, tự vệ bí mật) chống lại quân lực VNCH, quân lực đồng minh (Mỹ và các nước chư hầu) và do các lực lượng này bắt được trên chiến trường.

Đơn vị Việt cộng miền Bắc: là một đơn vị được Bắc Việt thành lập, huấn luyện có danh hiệu giống như một đơn vị chính quy miền Bắc hoặc đa số là người Bắc. Đôi khi trong một đơn vị Việt cộng miền Bắc cũng thấy những thành phần bổ sung miền Nam. Ngược lại trong một đơn vị miền Nam cũng có những thành phần bổ sung miền Bắc.

Chủ lực quân Việt cộng: Là những đơn vị vũ trang trực thuộc Trung ương Cục miền Nam, các quân khu hay phân khu.

Địa phương quân Việt cộng: là những đơn vị vũ trang trực thuộc các Tỉnh ủy, Khu ủy và thường hoạt động trong phạm vi lãnh thổ một tỉnh hay một huyện.

Lực lượng không chính quy: gồm những phần tử du kích, tự vệ, tự vệ bí mật trực thuộc các ủy ban xã, ấp Việt cộng. Những lực lượng này thi hành nhiều nhiệm vụ linh tinh nhằm yểm trợ cho chủ lực quân và địa phương quân, ngoài ra còn là cơ sở tuyển mộ và huấn luyện cho các đơn vị điều động và yểm trợ tác chiến.

1 Công văn số 3924/QP/HCTV/1/B/K ngày 2-11-1967 của Tham mưu trưởng kiêm Tổng Ủy viên Quốc phòng về việc áp dụng các quy ước Genève 1949, Hồ sơ 17840, PTTg, TTLTII.

Du kích quân: là những lực lượng hoàn toàn thoát ly, được tổ chức thành tiểu đội, trung đội, không thường xuyên sống trong xã, ấp của họ. Nhiệm vụ điều hành của du kích quân là thu thuế, tuyên truyền, bảo vệ ủy ban xã,...

Tự vệ: là những phần tử bán võ trang chịu trách nhiệm bảo vệ xã, ấp trong vùng Việt cộng kiểm soát. Tự vệ không hoàn toàn thoát ly xã, ấp của họ và không có công tác thường xuyên. Những công tác của tự vệ là tuyên truyền, tổ chức công sự phòng thủ, bảo vệ xóm làng.

Tự vệ bí mật: là những phần tử có trách nhiệm như tự vệ, nhưng được tổ chức tại các xã, ấp do chính quyền kiểm soát. Tự vệ bí mật sưu tầm tin tức, tuyên truyền và thi hành những công tác phá hoại”¹.

Đồng thời, đưa ra quy định về thành phần tù binh quan trọng cần được đặc biệt lưu ý “là (các tù binh) *cung cấp tin tức có giá trị cao trên phương diện chiến thuật và chiến lược. Loại này gồm có:*

+ *Phi công*

+ *Cán bộ quân sự, chính trị phục vụ tại các cấp bộ từ cấp huyện lên đến Ủy ban Trung ương Mặt trận Giải phóng miền Nam.*

+ *Cán bộ phụ trách giao liên, tiếp vận đường biển từ miền Bắc hay từ ngoại quốc vào.*

+ *Cán bộ các loại tù Bắc vào.*

+ *Cán bộ chỉ huy đơn vị từ cấp đại đội trở lên.*

1. Huấn thị số 170-1 năm 1970 của Bộ Quốc phòng về tù phiến cộng và tài liệu do quân lực Việt Nam Cộng hòa và quân lực đồng minh bắt được trên chiến trường, Hồ sơ 17840, PTTg, TTLII.

+ Các chuyên viên tình báo, truyền tin, mật mã, quân cụ, công binh, quân y, quân nhu”¹.

Từ Huấn thị này, năm 1970, Bộ Ngoại giao chính quyền Sài Gòn, chính thức đưa vấn đề “tù binh Cộng sản” trước dư luận, với một số nội dung như:

“Được định danh là “tù binh Cộng sản” Việt Nam các phần tử, kê sau đây, bị bắt giữ tại chiến trường hoặc trong các cuộc hành quân của Quân lực VNCH và đồng minh:

- Binh sĩ những đơn vị chủ lực;
- Binh sĩ những đơn vị địa phương;
- Thành phần những lực lượng không chính quy (du kích, tự vệ, tự vệ bí mật);
- Dân quân và quân tình nguyện khác hoạt động cho Cộng sản với điều kiện:
 - + Được đặt thuộc quyền chỉ huy của một người có trách nhiệm rõ rệt về nhân viên tùy thuộc;
 - + Mang dấu hiệu rõ rệt nhìn thấy được từ xa;
 - + Mang vũ khí công khai;
 - + Và tôn trọng tục lệ và luật lệ chiến tranh lúc đối chiến.
- Những người đi theo các đơn vị võ trang Cộng sản, nhưng thật sự không phải là cán binh (thành viên phi cơ quân sự, phóng viên chiến tranh, nhà thầu cung cấp v.v...);
- Những thuyền trưởng, hoa tiêu, thành viên, thủy thủ tập sự của các thương thuyền, và thành viên phi cơ dân sự;

1. Huấn thị số 170-1 năm 1970 của Bộ Quốc phòng về tù phiến cộng và tài liệu do quân lực Việt Nam Cộng hòa và quân lực đồng minh bắt được trên chiến trường, Tlđđ.

- Các cán bộ chính trị, hành chính Cộng sản võ trang chống đối lại quân lực VNCH trong lúc hành quân;
- Các thương bệnh binh bị bắt tại trận;
- Các phần tử thuộc không lực và hải lực Cộng sản;
- Và sau chót, các phần tử Cộng sản ra hàng tại chiến trường khi không còn hoàn cảnh chiến đấu.

Xin lưu ý rằng bản liệt kê trên đây là một bản liệt kê hạn chế (*énumération limitative*), và như vậy thì những phần tử Cộng sản quấy rối an ninh quốc nội, những “đặc công” phạm các tội bắt cóc, ám sát, khủng bố, đặt mìn, phá hoại, v.v... không thể coi là tù binh được”¹.

2.1.2. Tình trạng và số lượng tù binh

Sau nhiều năm thực hiện lùng sục, đàn áp, khủng bố phong trào cách mạng miền Nam, chính quyền Sài Gòn đã bắt bớ, giam cầm hàng trăm ngàn cán bộ, chiến sĩ cách mạng và quần chúng yêu nước. Trong đó có hàng vạn cán bộ, quần chúng cách mạng bị giam cầm trong những “địa ngục trần gian” mà chính quyền Sài Gòn không thể thừa nhận và công khai, cũng như không thể trao trả. Vì vậy, trước yêu cầu của Mỹ, chính quyền Sài Gòn tìm nhiều cách để bung bít, che giấu.

Chính quyền Sài Gòn tiến hành phân loại, để chỉ công khai một phần nhỏ cán bộ, chiến sĩ và quần chúng cách mạng bị bắt, những người chính quyền Sài Gòn gọi là “tù binh Cộng sản” – là cán bộ, chiến sĩ trực tiếp tham gia chiến đấu bị quân đội Hoa Kỳ – Sài Gòn bắt tại chiến trường. Đối với số “tù Cộng sản” còn lại, chính quyền Sài Gòn tiến hành cải danh tùy theo từng đối tượng mà từ danh xưng “tù phiến Cộng” theo cách gọi chính quyền Sài Gòn thành thường phạm, “hồi chánh”.

1. Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, sách Ngoại giao kỳ yếu “Vấn đề tù binh”, Hồ sơ 1095, ĐLICH, TTLII.

Năm 1970, chính quyền Sài Gòn chỉ thừa nhận đang giam giữ hơn 30.000 “tù binh Cộng sản” trên toàn miền Nam. Một con số rất nhỏ so với hàng trăm ngàn cán bộ, chiến sĩ đang bị chính quyền Sài Gòn giam giữ trong thời điểm đó.

Theo sách “Vấn đề tù binh” của Bộ Ngoại giao chính quyền Sài Gòn, “tính đến ngày 01-4-1970, tại 6 trại giam (Đà Nẵng, Pleiku, Quy Nhơn, Biên Hòa, Cần Thơ và Phú Quốc) có tất cả 33.857 “tù binh Cộng sản” phân chia như sau:

Theo cấp bậc:

– Sĩ quan:	802 người
– Hạ sĩ quan:	1.383 người
– Binh sĩ:	28.716 người
– Phụ nữ:	1.019 người
– Thiếu nhi:	1.937 người
Cộng:	33.857 người

Theo cách phân loại:

– Do từ Bắc Việt xâm nhập:	7.373 người
– Hồi kết (Cộng sản miền Nam ra tập kết tại Bắc Việt hồi 1954):	508 người
– Bộ đội Mặt trận Giải phóng miền Nam:	25.976 người
Cộng:	33.857 người

Trong tổng số 33.857 nói trên, có 1.330 người nan y tàn phế¹.

1. Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, sách Ngoại giao kỷ yếu “Vấn đề tù binh”, *Tlđđ*.

Năm 1971, Bộ Ngoại giao chính quyền Sài Gòn công khai số can phạm đang giữ tại miền Nam Việt Nam còn thấp hơn số “tù binh Cộng sản” của năm 1970. Theo Bộ Ngoại giao chính quyền Sài Gòn: “tính đến ngày 2-5-1971, con số những người bị giam giữ được chia ra như sau:

- Thường phạm:	6.890
- Can phạm Cộng sản:	20.076
- Can phạm chính trị:	3
- Tù binh:	304
- Dân phạm quân sự:	378
- Quân phạm thường:	2.868
- Quân phạm chính trị:	1.150
Tổng cộng:	31.669” ¹ .

Tuy nhiên, trong điện văn trao đổi với Văn phòng Tổng Thư ký Liên hợp quốc, Phái đoàn Hoa Kỳ đã thừa nhận:

“Chánh phủ VNCH đang giam giữ 25.000 tù binh, còn tổng số người bị cầm tù, kể cả thường dân, vượt quá số 40.000 rất nhiều”².

“Tính đến ngày 08.3.1973, tổng số “tù binh Cộng sản” hiện do VNCH còn giam giữ và quản trị là 19.928. Tù binh được phân chia ra như sau:

- Theo thành phần:

Xâm nhập:	5.626
-----------	-------

1. Công văn số 483/BNG/TTBC/TT/B của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa ngày 31-5-1971, về số can phạm hiện bị giam giữ, Hồ sơ 1098, ĐIIICH, TTLTII.

2. Công văn số 340/BNG/VHPL/PL/M ngày 04-06-1969 của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc và vấn đề tù binh tại Việt Nam, Hồ sơ 16786, PTTg, TTLTII.

Hồi kết:	332
Bộ đội Cộng sản miền Nam:	13.970

- Theo trại giam:

Trại giam Phú Quốc:	18.960
Biên Hòa :	915
Đà Nẵng:	43
Cần Thơ:	07
Qui Nhơn:	03

Riêng trại giam Pleiku không còn giam giữ một tù binh nào. Số 19.928 tù binh do VNCH đang giam giữ và quản trị là số tù binh còn lại sau khi có:

- 10.973 tù binh có thỉnh nguyện xin được hồi chánh và họ đã được Tổng thống VNCH chấp thuận chuyển qua Bộ Chiêu hồi vào ngày 29-1-1973.

- 7.000 "tù binh Cộng sản" đã được ta phóng thích, trao trả cho đối phương trong đợt 1 (từ 12-02-1973 đến 21-02-1973).

Như vậy, nếu tính ngược lại tới ngày 25-1-1973 (trước khi có biện pháp khoan hồng và trao trả tù binh) tổng số "tù binh Cộng sản" do chính quyền VNCH giam giữ và quản trị lên tới 37.577 tù binh¹.

Tác giả Robert Kaylor của Nhật báo Mainichi Daily News ngày 20-4-1973, xuất bản tại Tokyo đã viết:

"Chính phủ VNCH cải chính không giam giữ chính trị phạm, nhưng nhiều nguồn tin am tường cho biết hàng ngàn tù nhân chính trị

1. Phiếu đệ trình v/v giải quyết tình trạng các tù binh Cộng sản và các can phạm của Trung tướng Đặng Văn Quang - Trung tâm trưởng Trung tâm Phối hợp Thi hành Hiệp định Paris gửi lên Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 18808, PTTg, TTLTI.

đang mòn mỏi trong các lao tù với tương lai thật đen tối. Phần lớn là những phần tử không cộng sản bị biến thành những con cờ mặc cả giữa chính phủ VNCH và Mặt trận Giải phóng.

Một nguồn tin liên hệ gần gũi với các chính trị phạm đã đồng ý tiết lộ tin mật miễn danh tánh được giữ kín. Nguồn tin cho UPI hay rằng trong số 37.000 tù nhân dân sự tính đến 1-3-1974, có khoảng 8.500 người có thể được xếp vào loại chính trị phạm dưới định nghĩa rộng là “những kẻ phá rối trị an”. Chừng hơn một nửa thật sự là cán bộ cộng sản. Khoảng 4.500 người chưa hề bị chính thức kết án về bất cứ tội danh gì. Ít nhất 600 người là phụ nữ. Những cuộc trao đổi tù nhân đã đình trệ vì cuộc thương thảo hai bên lâm vào tình trạng bế tắc. Nhưng theo nguồn tin trên, một lý do tại sao còn quá nhiều tù như vậy là để dự phòng cho các cuộc trao đổi tương lai”.

Bài báo tiếp tục khẳng định:

“Thêm vào các phần tử Cộng sản hoặc cảm tình viên, tù nhân gồm có những người bị bắt với tài liệu chống chính phủ hoặc những phần tử đấu tranh “đi ngược lại trào lưu của chính phủ”. Một số người bị bắt giữ trong kế hoạch Phụng Hoàng đã bị hàm oan, hoặc vì do thù hằn cá nhân với các viên chức hay chỉ điểm viên. Một số nữa là thường dân mua gạo cộng sản, hoặc tiếp tay với cộng sản vì tiền hay vì sợ thân nhân ở trong vùng địch tạm chiếm bị trả thù. Hầu hết các tù chính trị đều được giam giữ tại Chí Hòa, Tân Hiệp, Thủ Đức và Côn Sơn.

...Theo các nguồn tin, những tù nhân được coi là quan trọng chỉ được VNCH trao trả nếu có lệnh của dinh Độc Lập. Trung bình mỗi tháng có từ 100 đến 120 tù nhân được thêm vào danh sách tù nhân chính trị. Mặt khác, cũng có những sự tái phân loại chính trị phạm để tránh nhận diện. Nguyên thủy, họ được ghi là cán bộ cộng sản, kể đến

được gọi là “tù đặc biệt” và sau cùng được xếp vào hạng những kẻ “phá rối trị an”.¹

a. Số lượng “tù binh Cộng sản” tính đến ngày 17-4-1975:

– Hiện có 1.359 người được giam tại Cần Thơ (trong số này có 60 người được giam tạm tại Biên Hòa).

(2) Can phạm:

– Hiện có 7.835 người, gồm:

Trung tâm Cải huấn Chí Hòa: 7.033 người

Trung tâm Cải huấn Tân Hiệp: 802 người

Số tù binh và can phạm nêu trên sẽ là mối nguy hại thực sự, nếu trong lúc biến động, chúng xông ra, đi cướp của, giết người, thanh toán nhân viên chính quyền, quân đội...

3. Để chặn trước tình trạng tương tự có thể xảy ra, nhất là đối với Sài Gòn, trân trọng kính đề nghị tổng thống lưu ý Nội các những điểm sau:

(1) Giải tỏa tình trạng đông nghẹt can phạm tại Trung tâm Cải huấn Chí Hòa và Trung tâm Cải huấn Tân Hiệp (Biên Hòa).

Về điểm này, được biết Bộ Nội vụ đã có chương trình di chuyển vào tuần tới ra Côn Sơn số lượng 1.200 can phạm (800 thuộc Trung tâm Cải huấn Chí Hòa và 400 thuộc Trung tâm Cải huấn Tân Hiệp).

Số giam cứu còn lại ở Trung tâm Cải huấn Chí Hòa phần lớn chưa xử, gồm 3.876, chia ra:

Bị cáo tư pháp: 2.808

Phá rối trị an: 102

1. Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo, những bài báo ngoại quốc đáng lưu ý, ghi nhận từ 21-4 đến 27-4-1974, Hồ sơ 18304, PTTg, TTLTI.

Quân phạm các loại: 966

(2) Thi hành việc di chuyển các “tù binh Cộng sản” khỏi đất liền như đối với can phạm, vì loại này thuộc thành phần quân sự có thể sử dụng vũ khí trong lúc hỗn loạn.

(3) Các tỉnh bị đe dọa mạnh phải áp dụng các biện pháp được hoạch định trước, như cô lập, xin chuyển đến những Trung tâm Cải huấn khác...

(4) Ở Côn Sơn, can phạm cũng có thể nổi loạn. Cần duyệt xét lại lực lượng an ninh ở đó có đầy đủ không.

(5) Bộ Nội vụ (Nha Cải huấn) cần có những tiêu lệnh rõ rệt cho các lực lượng an ninh canh gác các Trung tâm Cải huấn để họ biết, thi hành đúng lúc, và đúng mức.

4. Những việc di chuyển ra khỏi đất liền và các biện pháp khác có thể sẽ gây ra nhiều khó khăn và trở ngại đủ loại, nhưng chắc chắn tất cả những điều đó không mắc giá bằng việc chúng ta vì không tiên liệu, để rồi các phần tử trên làm lực lượng nội công, giết cán bộ và dân chúng trước, tạo nguy cơ gây suy sụp toàn diện.

Việc xảy ra ở Đà Nẵng, Nha Trang, dù có thảm khốc, nhưng chưa đến nỗi mất nước, nhưng nếu việc này xảy ra tại Sài Gòn, thì nguy cơ sẽ không lường được¹.

b. Tù binh quân sự Việt Nam Cộng hòa:

“- Tổng số quân nhân quân lực VNCH còn được ghi nhận là “mất tích” hoặc bị “địch bắt” kể từ 1954 cho tới tháng 3-1973 là 32.360 gồm:

- Chủ lực quân 18.234

1. Phiếu đệ trình v/v giải quyết tình trạng các tù binh Cộng sản và các can phạm của Trung tướng Đặng Văn Quang – Trung tâm trưởng Trung tâm Phối hợp Thi hành Hiệp định Paris gửi lên Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 18808, PTTg, TTLTII.

- Địa phương quân: 5.636

- Nghĩa quân: 8.490

- Số lượng nói trên chưa trừ 965 quân nhân quân lực VNCH đã được đối phương trao trả trong đợt 1 vừa qua (ngày 12,13 và 20-02-1973) tại Lộc Ninh gồm:

- Chủ lực quân: 795

- Địa phương quân: 142

- Nghĩa quân: 28

Tình trạng và số lượng tù binh tính đến ngày 17-04-1975)¹.

2.1.3. Chính sách đối xử với tù nhân của chính quyền Sài Gòn

Về chính sách đối xử với tù binh, chính quyền Sài Gòn luôn đưa ra những luận điệu về chính sách đối xử nhân đạo:

“(1) Trước ngày 10.12.1965, các phần tử võ trang CS khi bị bắt vẫn chỉ được coi là các phần tử phiến loạn, chưa được thừa nhận là tù binh chiến tranh theo như định nghĩa thông thường của Luật Quốc tế. Tuy nhiên, họ vẫn được chính phủ và QLVNCH đối xử tử tế và nhân đạo theo tinh thần các điều khoản của quy ước Genève về tù binh chiến tranh.

(2) Để thực hiện chính sách nhân đạo của Chính phủ và QLVNCH và để thích ứng với nhu cầu thực tế của cuộc chiến tranh tại Việt Nam bắt đầu kể từ ngày 10.12.1965, các phần tử võ trang CS nói trên chính thức được chính phủ ta cho hưởng theo quy chế tù binh. Tuy nhiên, về danh nghĩa họ vẫn chỉ được coi là tù phiến Cộng. Và tới ngày 24.8.1968 họ đã được chính phủ ta cho cải danh thành tù binh Cộng sản Việt

1. Phiếu đệ trình v/v giải quyết tình trạng các tù binh Cộng sản và các can phạm của Trung tướng Đặng Văn Quang – Trung tâm trưởng Trung tâm Phối hợp Thi hành Hiệp định Paris gửi lên Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, *Tlđđ*.

Nam và cho hưởng trọn vẹn theo đúng các điều khoản của quy ước Genève về Tù binh chiến tranh.

- Được đối xử nhân đạo ngay từ lúc bị bắt.
- Được giam giữ trong các trại giam có đủ tiện nghi và hợp vệ sinh.
- Được săn sóc và bảo vệ sức khỏe.
- Được nuôi ăn đầy đủ: Trước ngày 01.8.1972 tù binh được nuôi ăn bằng với giá biểu nuôi ăn quân phạm; kể từ ngày 01.8.1972 đến nay, tù binh được hưởng giá biểu nuôi ăn hằng ngày từ 50\$00 đến 55\$00, tùy theo vùng đất đỏ.

Ngoài ra, các tù binh bị bệnh liệt được gia tăng thêm khẩu phần ăn 45\$00/1 ngày/1 người. Khi tù binh nằm điều trị tại các cơ quan Quân y, họ được hưởng cùng một giá biểu nuôi ăn như thương bệnh binh của QLVNCH.

Tù binh làm việc sinh lợi sẽ được trả công theo tiêu chuẩn là 8\$00/1 ngày = $\frac{1}{4}$ quan Thụy Sĩ (Hối suất năm 1965).

Tù binh được tự do sinh hoạt tín ngưỡng, văn nghệ, thể thao và giải trí.

Được thông tin với gia đình bằng bưu thiếp, thân nhân được phép thăm viếng, tặng quà.

Tù binh phạm pháp được hưởng đầy đủ các bảo đảm về thủ tục tố tụng.

Hội đồng Thập tự Quốc tế, các Hội cứu trợ, các nước bạn Đồng Minh được phép tới các trại giam để thăm viếng và tặng quà tù binh”¹.

Trong khi đó, tại các trại giam, chính quyền Sài Gòn áp dụng các biện pháp lao tù tàn bạo đối với tù binh, biến nơi đây thành những “địa ngục trần gian”.

1. Tài liệu thuyết trình của Bộ Tổng tham mưu, Hồ sơ 440, ĐIIICH, TTLTII.

Tháng 3-1969, chính quyền Sài Gòn ban hành huấn thị để ra: “*Tiêu lệnh điều hành trại giam trong trường hợp tù binh gây rối, nổi loạn, đào thoát*”.

Đối với tù binh: Trại giam phải công bố các điều ngăn cấm sau đây bằng các cuộc phát thanh hằng ngày hoặc bằng các khẩu hiệu niêm yết rõ ràng trong phạm vi trại giam (khu giam giữ) để mọi tù binh đều được biết.

Tiêu lệnh chung:

- Tù binh có bốn phận gìn giữ trật tự và tuân hành kỷ luật của trại giam.
- Tù binh chỉ được phép làm các điều mà nội quy trại giam cho phép.
- Các tù binh biết tuân hành kỷ luật trại giam sẽ được đối xử tử tế....

Tiêu lệnh riêng:

- Thông thường: Bất luận ngày hay đêm các tù binh không được:
 - ▶ Tụ tập thảo luận hay cờ bạc.
 - ▶ Cãi vã, xô xát.
 - ▶ Tổ chức lễ kỷ niệm, treo khẩu hiệu, biểu ngữ, rải truyền đơn.
 - ▶ Phá hoại vật dụng của trại giam hoặc làm tổn hại đến căn trại.
 - ▶ Cất giấu dụng cụ bén nhọn trong căn trại, phòng và giường ngủ.
 - ▶ Từ chối không thi hành các công tác đã phân nhiệm.

Hình phạt cho các vi phạm trên sẽ tùy theo tội từ nhẹ đến nặng, từ tap dịch, khổ dịch, bớt khẩu phần hằng ngày đến giam khám tối, truy tố trước Tòa án Quân sự. Trong trường hợp vi phạm có tính cách hăm dọa trầm trọng đến an ninh chung cho trại giam hoặc đến sinh mạng

của nhân viên hữu trách của trại giam, tù binh vi phạm có thể bị đối xử bằng vũ khí.

– *Cấm chỉ tuyệt đối: Bất luận ngày hay đêm, các tù binh không được:*

▶ *Lai vãng gần đến các hàng rào (có bảng cấm), các chòi canh và các khu vực có bảng cấm: vượt giới hạn trên sẽ bị lính canh nổ súng.*

▶ *Ra khỏi phòng ngủ trong lúc ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp (bệnh hoạn bất ngờ) có báo trước, vi phạm sẽ bị nhân viên tuần tra hoặc lính canh nổ súng.*

▶ *Gây rối loạn tại các trại giam. Nếu được cảnh báo mà bất tuân sẽ bị nhân viên canh gác dùng vũ lực giải tán, trường hợp còn tiếp tục các nhân viên này có quyền nổ súng.*

▶ *Xâm phạm đến thân nhân chính quyền sẽ bị đối phó thẳng tay bằng vũ lực.*

▶ *Phá trại giam để đào thoát sẽ bị lính canh nổ súng.*

▶ *Cố ý đào thoát trong lúc đi làm ngoài doanh trại: nếu vi phạm, nghe cảnh cáo còn tiếp tục chạy sẽ bị nổ súng.*

▶ *Ngoan cố không chịu thi hành các công tác chỉ định: sau khi được cảnh cáo vẫn còn tiếp tục, sẽ bị đối xử bằng vũ lực.*

Tiêu lệnh đặc biệt:

Nhân viên Quân cảnh canh gác điều hành trại giam và các quân nhân trách nhiệm an ninh trại giam có quyền:

▶ *Nổ súng vào các tù binh vượt hàng rào, khu vực cấm sau khi đã kêu gọi cảnh báo 3 lần hoặc bắn chỉ thiên 3 lần nhưng tù binh vẫn không tuân lệnh.*

▶ *Nổ súng vào các tù binh đào thoát lúc ở tại trại hay trong khi đi làm việc, sau khi kêu gọi hoặc bắn chỉ thiên 3 lần mà tù binh vẫn chạy trốn.*

► *Nổ súng không cần cảnh cáo nếu tù binh đã thương hoặc hạ sát nhân viên canh gác, an ninh đào thoát.*

► *Ban đêm, nổ súng không cần cảnh cáo nếu tù binh gây rối tại trại giam hay toan vượt hàng rào cấm để đào thoát, phá trại*¹.

Tiêu lệnh này trở thành cơ sở cho các cai ngục thực hiện những biện pháp dã man, tàn bạo nhất đối với “tù binh Cộng sản”. Nhận xét của phái đoàn Ủy hội Quốc tế Hồng Thập tự sau khi viếng thăm các Trung tâm Cải huấn Tây Ninh (ngày 4-11-1969), Tân Hiệp – Biên Hòa (ngày 30-10-1969), Chí Hòa (ngày 20-10-1969), cho thấy tình trạng giam giữ tù nhân của chính quyền Sài Gòn, dù đã có sự chuẩn bị trước để đối phó với phái đoàn điều tra, nhưng vẫn hết sức tồi tàn. Như tại trại Tân Hiệp: *“nhiều tù nhân đã than phiền bị đánh đập tại trại Tân Hiệp, ..., một tù nhân bị nhốt vào hầm tối, kém vệ sinh đến đôi lần bệnh nặng, được đưa đến phòng cấp cứu quá trễ nên đã tử trần vào tháng 8-1969”*.

Theo ông H. Ross Perot, đại diện phái đoàn Mỹ và ký giả thế giới trong cuộc thăm 4 trại giam “tù binh Cộng sản” tại Biên Hòa, Pleiku, Đà Nẵng, Phú Quốc từ ngày 2 đến ngày 4-4-1970, dưới sự giám sát của lực lượng quân đội Sài Gòn, đánh giá: *“đây là những trại giam tù binh kiểu mẫu nhất trên thế giới”*. Mà tính chất nhân đạo của nó được so sánh là hơn các trại giam tù binh của phát xít Đức trong Thế chiến thứ II².

Cùng với chính sách lao tù tàn bạo nhất, chính quyền Sài Gòn dùng thủ đoạn chiến tranh tâm lý vừa nhằm ly gián hàng ngũ, đánh vào phong trào đấu tranh của “tù binh Cộng sản”, vừa hạ uy thế của

1. Huấn thị số 1130/QP/HCTV/1/B/TB/K, ngày 17-3-1969, Bộ Quốc phòng, Hồ sơ 16498, PTTg, TTLTII.

2. Công văn số 1871/QP/HCTV/1/b/TB/K ngày 22-4-1970 của Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 17652, PTTg, TTLTII.

lực lượng cách mạng. Hàng năm, chính quyền Sài Gòn tổ chức nhiều đợt, để đưa một số tù binh là quân chúng cách mạng bị bắt trong các cuộc ruộng bõ, cùng các tù binh nan y tàn phế vào danh sách “hồi chánh” và chuyển sang một khu giam giữ mới với tên gọi “Khu tân sinh hoạt”.

Tính chung 6 trại giam tù Cộng sản, qua các đợt, chính quyền Sài Gòn đã có 3.127 tù binh được đưa ra cứu xét cải danh hồi chánh. Nhưng đến ngày 7-8-1971, thực tế chỉ có 950 tù Cộng sản được chấp thuận. Số 2.177 tù Cộng sản còn lại vẫn bị chính quyền Sài Gòn giam giữ trong các khu Tân sinh hoạt tại 6 trại giam tù Cộng sản ở miền Nam Việt Nam¹. Con số trên cho thấy, chính sách cải danh hồi chánh của chính quyền Sài Gòn chỉ là sự lừa bịp dư luận và hạ thấp uy thế của lực lượng cách mạng. Những người “được” chính quyền Sài Gòn xếp vào danh sách hồi chánh nhưng không hề được trả tự do.

Tuy nhiên, chính quyền Sài Gòn vẫn đưa ra những luận điệu lừa bịp. Ngày 8-10-1970, Nguyễn Văn Thiệu – Tổng thống chính quyền Sài Gòn đề nghị một giải pháp quan trọng nhằm văn hồi hòa bình tại Đông Dương. Trong điểm 4 của bản tuyên bố đó nêu lên vấn đề tù binh như sau:

“Phóng thích tức khắc và vô điều kiện tất cả tù binh của đôi bên trên căn bản hổ tương”.

Theo lời tuyên bố của Tổng Thống:

“Trước hết, vấn đề tù binh cần phải được giải quyết trên căn bản nhân đạo, nên việc phóng thích cần thi hành tức khắc để sớm chấm dứt nỗi đau khổ của những người bị giam giữ, chứ không phải đợi đến lúc đạt được một giải pháp cho vấn đề Việt Nam.

1. Công văn số 1077-a/ThT/PC1/M của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa ngày 7-8-1971, Hồ sơ 17474, PTTg, TTLTI.

Vấn đề tù binh là một vấn đề riêng biệt, không tùy thuộc vào vấn đề quân sự và chính trị nên việc giải quyết phải vô điều kiện. Không thể coi tù binh như những con cờ chính trị để đem ra làm áp lực để đối phương chấp nhận quan điểm của mình.

Sau hết, tất cả tù binh của đôi bên cần được phóng thích trên căn bản hỗ tương. Hiện nay, số “tù binh Cộng sản” Bắc Việt bị ta bắt giữ nhiều gấp bội so với những nhân viên quân chính VNCH và Đồng Minh ở trong tay Cộng sản. Cũng vì vậy mà đề nghị của tổng thống về vấn đề tù binh còn chứng tỏ một tinh thần quảng đại của chính phủ VNCH”¹.

Để cập đến vấn đề đối xử của chính quyền Sài Gòn đối với tù binh, trong một bản nhận định phổ biến cho báo chí ngày 4-6-1973, ông Kennedy tố cáo hành pháp đã che đậy và lừa gạt dư luận về thực trạng các trại giam và tù nhân chính trị ở miền Nam Việt Nam, đồng thời khuyến cáo Tổng thống Nixon nên rút lại ngân khoản dành cho chương trình an ninh cộng đồng.

Thượng Nghị sĩ Kennedy đề nghị Hoa Kỳ nên chấm dứt tài trợ chương trình an ninh công cộng cho Việt Nam Cộng hòa và gây áp lực buộc Việt Nam Cộng hòa phải trả tự do cho các tù nhân chính trị và dành mọi sự dễ dãi cho Hội đồng Thập tự Quốc tế đi quan sát các trại giam.

Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Washington nhận xét rằng những lời tuyên bố của Thượng Nghị sĩ Kennedy tuy hiện nay chưa được báo chí chú ý tới nhưng có thể sẽ dần dần gây nên phản ứng mạnh tại Quốc hội Hoa Kỳ.

Ngày 15-10-1973, linh mục Chân Tín đã thay mặt Ủy ban Vận động Cải thiện chế độ lao tù miền Nam Việt Nam gửi đến Chủ tịch

1. Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, vấn đề tù binh, Hồ sơ 1095, ĐIIIC, TTLTII.